



Giới thiệu sách

QUYẾT TOÁN THUẾ - LÝ THUYẾT VÀ THỰC TẾ



Thân chào bạn!

Quyết toán thuế là một công việc mà tất cả kế toán đều sẽ trải qua. Thành thạo tôi vẫn thấy những tâm sự bày tỏ lo lắng của các bạn mỗi khi chuẩn bị quyết toán thuế cho Công ty mình. Đặc biệt những bạn chưa từng trải qua thực tế hoặc còn ít kinh nghiệm sẽ *không hình dung được mỗi lần quyết toán thuế diễn ra như thế nào? Cần chuẩn bị những hồ sơ gì? Kiểm tra sổ sách ra sao?*

Quyết toán thuế không phải là một công việc nhất thời mà là một quá trình làm việc, bạn cần phải nắm rõ các quy định về thuế, vận dụng vào thực tế. Đối với một nghiệp vụ phát sinh, cần hiểu rõ chứng từ kèm theo gồm những gì để hoàn thiện ngay. Lúc chuẩn bị quyết toán thuế, chỉ cần rà soát lại hồ sơ sổ sách lần cuối nữa mà thôi. Đến lúc quyết toán thuế mới gấp rút chuẩn bị hồ sơ thì không thể tốt được. *Vậy cần phải nắm những quy định về thuế nào giữa một rừng văn bản pháp luật hiện nay? Hồ sơ chứng từ đi kèm của các nghiệp vụ phát sinh thường gặp là gì để có thể chủ động hoàn thiện đầy đủ ngay trong quá trình làm việc? Những lỗi sai có thể gặp phải đối với một số loại hình doanh nghiệp hiện nay?*

Để giúp những bạn còn ít kinh nghiệm trả lời được tất cả vấn đề nêu trên, tác giả đã biên soạn quyển sách **“Quyết toán thuế - Lý thuyết và thực tế”**.

Xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu của bạn để quyển sách này ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến xin gửi về địa chỉ:

Email : ketoanthuehongngoc@gmail.com

SĐT: 093.9988.123

NỘI DUNG CỦA SÁCH

Sách gồm 05 chương:

Chương I: Quy trình quyết toán thuế.

Chương này mô tả một cuộc quyết toán thuế thực tế diễn ra như thế nào, giúp bạn không bị ngỡ ngàng khi làm lần đầu. Đi kèm là một số chứng từ thực tế: quyết định kiểm tra thuế, biên bản kiểm tra thuế, quyết định xử phạt hành chính.





CỤC THUẾ TP HÀ NỘI
CHI CỤC THUẾ QUẬN []

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: [] /QĐ-CCT-KT Hà Đông, ngày [] tháng [] năm 20 []

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm tra thuế tại Công ty []

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

- Căn cứ Luật Quản lý thuế;
- Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và chi cục thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố;
- Căn cứ Quyết định số [] ngày [] của Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình kiểm tra hóa đơn;
- Căn cứ quyết định số 7 [] ngày [] của Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao nhiệm vụ kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế năm 2019;
- Căn cứ quy chế phối hợp số [] QCPH-BHXH-CCT ngày [] giữa Chi cục thuế quận [] và Bảo hiểm xã Hội quận [];
- Căn cứ quy chế phối hợp công tác số [] ngày [] giữa Liên đoàn Lao Động TP Hà Nội và Cục thuế TP Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định [] QĐ-CCT ngày [] của Chi cục Thuế quận [] về việc ủy quyền ký, đóng dấu văn bản;

Theo đề nghị của Đội trưởng Đội kiểm tra số 1 – Chi cục Thuế quận [], tại tờ trình ngày []

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần []; Mã số thuế: [], Địa chỉ: [] Hà Nội.

Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra chấp hành pháp luật thuế;
- Kiểm tra hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;
- Kiểm tra việc trích nộp Bảo hiểm xã hội; KPCĐ theo quy định

Thời kỳ kiểm tra: Năm 2016, 2017, 2018.

Điều 2: Thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm:

Bà: []	Đội kiểm tra số []	- Đoàn Trưởng
Bà: []	Đội kiểm tra số []	- Thành Viên
Bà: []	Đội kiểm tra số []	- Thành Viên

Chương II: Sổ sách, chứng từ cần chuẩn bị khi quyết toán thuế.

Chương này trình bày **chi tiết tất cả những sổ sách** cần phải chuẩn bị trước để việc quyết toán thuế có hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí, ít lỗi sai nhất.

Sổ sách bao gồm 2 dạng:

1. File mềm
2. File cứng
 - 2.1 Hồ sơ pháp lý
 - 2.2 Hồ sơ kế toán

Chương III: Một số kiến thức cần nắm.

Chương này trình bày một số quy định về thuế GTGT, TNDN và TNCN. Đây là những kiến thức tối thiểu bạn cần phải biết và nắm rõ, không chỉ để quyết toán thuế mà còn phục vụ trong quá trình làm việc.

Mỗi quy định *được nêu ví dụ và phân tích cụ thể. Ví dụ:*





Đối với thuế GTGT, phần giá tính thuế được trình bày như sau:

" ...

3. Giá tính thuế

3.1 HH, DV trao đổi, biếu tặng, cho, trả thay lương

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả mua ngoài hoặc do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) dùng để **trao đổi, biếu, tặng, cho, trả thay lương**, là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Lỗi sai: thường không tính thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng, trả thay lương cho người lao động dẫn đến bị truy thu.

Ví dụ: Nhân dịp Tết âm lịch, Công ty TNHH Đào tạo tư vấn Kế toán thuế Hồng Ngọc mua Laptop với giá chưa thuế là 15.000.000 để biếu tặng cho Công ty X là đối tác lâu năm. Khi biếu tặng, Công ty Hồng Ngọc xuất hóa đơn và kê khai thuế:

CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO TƯ VẤN KẾ TOÁN THUẾ HỒNG NGỌC Địa chỉ: Số 257 phố Xóm, đường 21B, TDP 10, P. Phú Lương, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội MST: 0108793315 Điện thoại: 093.9988.123 Website: ketoanhongngoc.com www.facebook.com/ketoanthuehongngoc					
HÓA ĐƠN GTGT (VAT INVOICE) Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E- Invoice viewer)			Mẫu số (Form no): 01GTKT0/001 Ký hiệu (Sign): HP/19E Số (No): 0000008		
Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 20XX Họ tên người mua hàng (Buyer): Hàng biếu tặng không giao hóa đơn Tên đơn vị (Company's name): Địa chỉ (Address): Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Mã số thuế (Tax code):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Laptop Dell Inspiron 3576 (Hàng biếu tặng, không thu tiền)	Chiếc	1	15.000.000	15.000.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					15.000.000
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.500.000
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					16.500.000
Số tiền bằng chữ (Total amount in words): Mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn.					

Đối với thuế GTGT, phần nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT được trình bày như sau

" ...

Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính





theo tỷ lệ (%) **giữa** doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT **so với** tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

➤ **Nghĩa là:** Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh cả mặt hàng chịu thuế và không chịu thuế thì thuế GTGT đầu vào cho hoạt động nào thì phải tách riêng. Phần thuế cho đầu ra chịu thuế thì được khấu trừ, phần thuế cho đầu ra không chịu thuế thì không được khấu trừ.

Nếu không tách riêng được thì phải phân bổ. *Vậy phân bổ như thế nào?*

Ví dụ: Công ty TNHH Đào tạo tư vấn kế toán thuế Hồng Ngọc có hoạt động kinh doanh và doanh thu tương ứng như sau:

STT	Hoạt động	Doanh thu	Tỷ lệ
1	Doanh thu đào tạo (theo quy định của pháp luật)	6.000.000.000	75%
2	Doanh thu thương mại Ngô hạt (mua ngô hạt của người dân và bán cho Công ty X)	1.000.000.000	25%
3	Doanh thu vật liệu xây dựng	1.000.000.000	
Tổng		8.000.000.000	

Thuế GTGT vào dùng chung trong tháng (không thể tách riêng được là đầu vào này phục vụ cho hoạt động nào) là 200.000.000đ

Vậy thuế GTGT được khấu trừ trong tháng là: $200.000.000 \times 25\% = 50.000.000$

Thuế GTGT không được khấu trừ: 150.000.000đ

..."

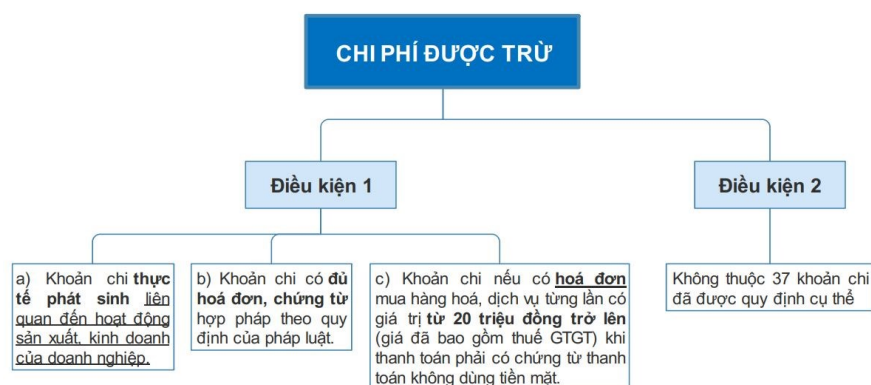
✚ **Đối với thuế TNDN được trình bày như sau**

" ...

☒ Quan điểm của tác giả về chi phí được trừ: để ghi nhận một khoản chi phí được trừ thì hồ sơ, chứng từ cần: **càng đầy đủ càng tốt, thừa hơn thiếu.**

Chi phí được trừ được quy định trong **Điều 6, thông tư 78/2014/TT-BTC** được sửa đổi bởi **Điều 4, Thông tư 96/2015/TT-BTC**.





2.5 Chi các khoản phạt

Không được trừ đối với các khoản tiền phạt về **vi phạm hành chính** bao gồm: vi phạm luật giao thông, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm pháp luật về thuế bao gồm cả tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các khoản phạt về vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật:

➔ Các khoản phạt HĐ là phạt dân sự vẫn được tính vào chi phí được trừ. Ví dụ công ty bạn bị khách hàng phạt 1 tỷ đồng thì 1 tỷ đồng này được tính vào chi phí được trừ

Ví dụ 1: Công ty TNHH Đào tạo tư vấn Kế toán thuế Hồng Ngọc bị Công ty X phạt 100 triệu do giao hàng không đúng thời hạn theo Hợp đồng thì Công ty Hồng Ngọc được ghi nhận 100 triệu này vào chi phí được trừ.

Ví dụ 2: Nhân viên lái xe của Công ty TNHH Đào tạo tư vấn Kế toán thuế Hồng Ngọc bị Cảnh sát giao thông phạt 5 triệu vì chạy quá tốc độ. Mặc dù có biên lai phạt ghi đầy đủ thông tin của Công ty nhưng khoản chi phí này không được tính vào chi phí được trừ trong kì.

Ví dụ 3: Công ty TNHH Đào tạo tư vấn Kế toán thuế Hồng Ngọc bị Cơ quan thuế phạt 700.000đ do nộp tờ khai thuế GTGT chậm. Thì chi phí này không được tính vào chi phí được trừ trong kì.

Ví dụ 4: Công ty TNHH Đào tạo tư vấn Kế toán thuế Hồng Ngọc bị Sở kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội phạt 3.500.000đ về hành vi không thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau 10 ngày theo quy định thì 3,5 triệu này không được tính là chi phí được trừ trong kì.

...





Chương IV: Kiểm tra sổ sách

Chương này hướng dẫn cách kiểm tra toàn bộ sổ sách một cách có hệ thống. Những kiến thức trong chương này không chỉ phục vụ để kiểm tra lúc quyết toán thuế mà còn giúp bạn trong quá trình làm việc, **đối với các nghiệp vụ phát sinh** hàng ngày liên quan, có thể biết được sẽ cần chú ý những nội dung nào, hồ sơ chứng từ đi kèm gồm những gì để có thể hoàn thiện đầy đủ ngay.

Nội dung chương này bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách từ Bảng cân đối phát sinh, **được cụ thể đến từng tài khoản** thường gặp, mỗi tài khoản đều được hướng dẫn kiểm tra chi tiết hồ sơ, các vấn đề cần lưu ý liên quan.
- Nêu 18 trường hợp xử lý các chi phí thường gặp, bao gồm: case study, phân tích các vấn đề về thuế cần chú ý và hồ sơ chứng từ chuẩn bị.
- Kiểm tra báo cáo tài chính

Ví dụ, đối với tài khoản 131 được trình bày như sau:

“ ...

2.3 Tài khoản 131

Tài khoản 131 liên quan chủ yếu đến phần doanh thu, thu nhập khác.

- Kiểm tra Hợp đồng đầu ra

- Kiểm tra tất cả các Hợp đồng bán ra kèm các phụ lục, thanh lý, biên bản nghiệm thu, quyết toán đi kèm đã đầy đủ chưa.

- Đối với từng hợp đồng kiểm tra tính chính xác, phù hợp đối với thực tế phát sinh:

- ✓ Số, ngày tháng trên hợp đồng đã điền đầy đủ chưa (lúc làm hợp đồng thường để trống các chỉ tiêu này)

- ✓ Hàng hóa (tên, quy cách, chất lượng, chủng loại...), dịch vụ, đơn giá bán, đơn vị tính trên Hợp đồng đã đúng với **hóa đơn, biên bản giao hàng, phiếu xuất kho** chưa?

- ✓ Chữ ký của bên giao, bên nhận đã đầy đủ, phù hợp giữa các chứng từ: hóa đơn, biên bản giao hàng, phiếu xuất kho, thanh lý, nghiệm thu...

- ✓ Chi phí vận chuyển do bên bán hay bên mua chịu. Nếu do bên bán chịu thì phải có chứng từ chứng minh chi phí vận chuyển.

- ✓ Địa điểm giao hàng: tại kho bên bán/bên mua hay một địa điểm khác được chỉ định khác?





- ✓ Thời gian giao hàng đúng với thực tế phát sinh chưa?
- ✓ Điểm khoản tạm ứng/thanh toán đã phù hợp với thực tế phát sinh hay chưa?
- ✓ Các điều khoản vi phạm Hợp đồng có được áp dụng
- ✓ Các điều khoản khác: bảo hành, đổi trả hàng hóa, dịch vụ...có được áp dụng đúng thực tế?

- **Kiểm tra biên bản bù trừ công nợ**

Kiểm tra tính đầy đủ và chính xác trên biên bản bù trừ công nợ nếu trong năm có phát sinh.

Lưu ý: bù trừ công nợ phải được quy định cụ thể **trong hợp đồng bằng văn bản.**

- **Kiểm tra các mã khách hàng số dư bên Có**

Kiểm tra thật kĩ các mã khách hàng có số dư BÊN CÓ. Số dư này có đúng thực tế không hay do kế toán quên xuất hóa đơn. Thời gian treo số dư này bao lâu?

Những khoản số dư bên có của TK 131 rất nhạy cảm vì thường liên quan đến việc bán hàng không xuất hóa đơn, kê khai thuế. Chắc chắn bạn sẽ phải giải trình đối với những khoản này, nếu số dư bên Có không đúng với thực tế hoặc không có chứng từ chứng minh thì nên xử lý trước khi quyết toán thuế.

- **Kiểm tra số dư cuối kì**

Kiểm tra lại số dư công nợ với khách hàng trên sổ sách so với biên bản đối chiếu công nợ khách hàng.

- **Kiểm tra các khoản phải thu có gốc ngoại tệ**

Kiểm tra lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ đã đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ chưa

Lưu ý: lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ số dư gốc ngoại tệ các khoản phải thu không được tính vào chi phí được trừ.

- **Một số lỗi sai khi hạch toán liên quan đến TK 131**

- Hạch toán nhầm các mã đối tượng khách hàng
- Hạch toán nhầm các khoản phí chuyển tiền ngân hàng vào TK 131 dẫn đến công nợ bị lệch





+ Ví dụ, đối chi phí quảng cáo Google, Facebook được trình bày như sau:

“ ...

1.24.1 Chi phí quảng cáo Google, Facebook

Chi phí quảng cáo qua Google, Facebook có 2 hình thức:

- Thông qua một công ty chuyên cung cấp dịch vụ quảng cáo
- Trực tiếp qua Google, Facebook.

Đây là chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Ở hình thức thứ nhất, hóa đơn chứng từ do bên cung cấp dịch vụ quảng cáo cung cấp nên rõ ràng hơn. Ở hình thức thứ hai, do đặc thù Google và Facebook là doanh nghiệp nước ngoài, đang có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nên cần lưu ý một số điểm sau:

a) Về thuế nhà thầu: nộp thuế và kê khai thuế thay. Căn cứ áp dụng: Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014

▪ **Nộp thuế:**

+ **Tại Khoản 1 Điều 1**, đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc **có thu nhập phát sinh tại Việt Nam** trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.”

+ **Tại Khoản 2 Điều 4**, về người nộp thuế:

“... Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

▪ **Khai thuế**

+ Tại Điều 11 hướng dẫn đối tượng và điều kiện áp dụng như sau:





“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12. Điều 13 Mục 3 Chương II.”

➤ Công ty sử dụng dịch vụ quảng cáo do Google và Facebook trực tiếp cung cấp thì có trách nhiệm:

- + Khấu trừ thuế GTGT, TNDN trước khi thanh toán
- + Kê khai nộp thay thuế cho nhà thầu.

b) Về hồ sơ, chứng từ

- Tờ khai kèm chứng từ đã nộp thuế nhà thầu
- Tờ trình đã được phê duyệt của phòng kinh doanh/Marketing...về việc quảng cáo trên Google, Facebook nêu rõ: đối tượng quảng cáo, thời gian chạy quảng cáo (thường sẽ theo đợt), chi phí phải trả, phương thức thanh toán (Công ty thanh toán hay là nêu rõ tên cá nhân được ủy quyền)
- In các báo cáo kết quả sau khi chạy quảng cáo để chứng tỏ công việc đã được thực hiện để lưu. Báo cáo kết quả của thể hiện: số lần hiển thị, số người tiếp cận được, số lượt tương tác...
- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Thực tế, nhiều doanh nghiệp thì cá nhân phụ trách sẽ thanh toán trực tiếp bằng thẻ cá nhân, do thông thường Google, Facebook chỉ chấp nhận thanh toán bằng thẻ Visa. Thì hình thức thanh toán này cũng sẽ được chấp nhận, tuy nhiên việc này phải được thể hiện rõ ở tờ trình được phê duyệt.

Chương V: Một số loại hình Doanh nghiệp thường gặp

Trình bày khái quát về các loại hình doanh nghiệp thường gặp. Các kiến thức về kế toán, thuế các sai sót, gian lận thường gặp liên quan đến loại hình đó.

Những loại hình doanh nghiệp được đề cập đến trong chương này:

- Công ty bất động sản
- Công ty xây dựng
- Công ty có hoạt động chuyển nhượng vốn
- Công ty thương mại
- Công ty sản xuất
- Công ty có giao dịch liên kết

Mỗi loại hình doanh nghiệp được **tiếp cận dựa trên các nội dung:**





- **Khái quát** về loại hình doanh nghiệp
- Những **quy định về kế toán và thuế** liên quan (Hóa đơn, thuế GTGT, TNDN)
- Những **sai phạm** thường gặp liên quan

Ví dụ, đối với Phần F: Công ty có giao dịch liên kết

" ...

I. KHÁI QUÁT CÔNG TY CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Giao dịch liên kết- gọi đầy đủ là Giao dịch của những Công ty có quan hệ liên kết với nhau. Điều quan trọng là phải xác định thế nào là Công ty có quan hệ liên kết với nhau.

Kiểm tra giao dịch thuộc giao dịch liên kết trên nguyên tắc sẽ so sánh giao dịch đó với các giao dịch độc lập tương tự và xem xét bản chất hơn hình thức.

II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM

1. Quy định về giao dịch của các bên liên kết

Hiện nay giao dịch của các bên liên kết được hướng dẫn tại **Nghị định 132/2020/NĐ-CP** ngày 05 tháng 11 năm 2020.

- **Hiệu lực thi hành: 20 tháng 12 năm 2020** và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.
- **Nội dung:** quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết
- **Kết cấu:** Gồm có 04 chương và 22 Điều khoản
- **Đối tượng áp dụng:** tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ *nộp thuế thu nhập doanh nghiệp có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết.*

Tại Khoản 1, Điều 5. Các bên có quan hệ liên kết, quy định Các bên có quan hệ liên kết (sau đây viết tắt là "bên liên kết") là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:

a) Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia;

b) Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.

Và tại khoản 2, Điều 5 cụ thể hóa 11 trường hợp cụ thể tại Khoản 1. Bản chất của 11 trường hợp này sẽ thuộc 2 nhóm quyền sau, nếu A và B có một trong 2 quyền này hoặc chịu tác động quyền này bởi C thì A, B là hai Công ty có quan hệ liên kết.





Quyền 1: Quyền sở hữu

a) Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia

→ **Ví dụ:** B có vốn điều lệ là 10 tỷ, A đầu tư vốn vào B từ 2,5 tỷ trở lên thì A và B có quan hệ liên kết.

b) Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp

→ **Ví dụ:** Công ty A góp vốn vào Công ty B và C, mỗi Công ty đều góp ít nhất 25% vốn điều lệ thì B và C có quan hệ liên kết. (Hiển nhiên A và B, A và C có quan hệ liên kết)

...

III. MỘT SỐ CHÚ Ý TRONG DN CÓ PHÁT SINH GIAO DỊCH LIÊN KẾT

1. Chi phí lãi vay được trừ

Chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định như sau:

a) Tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp **không vượt quá 30%** của **tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay** phát sinh trong kỳ **cộng chi phí khấu hao** phát sinh trong kỳ của người nộp thuế;

Nghĩa là: Lãi vay - (Lãi tiền gửi + Lãi cho vay) $\leq 30\% \times$ (Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lãi vay - (lãi tiền gửi + lãi cho vay) + Khấu hao)

Phần chi phí lớn hơn 30% trên sẽ không được tính vào chi phí được trừ trong kỳ đó.





Ví dụ, Công ty TNHH Đào tạo tư vấn kế toán thuế Hồng Ngọc có Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

CHỈ TIÊU	Năm nay	Trong đó	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.761.887.724		
2. Các khoản giảm trừ	-		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	124.761.887.724		
4. Giá vốn hàng bán	116.500.034.097		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	8.261.853.627	Khấu hao TSCĐ	2.679.235.343
6. Doanh thu hoạt động tài chính	32.126.728	Lãi tiền gửi	2.012.456
7. Chi phí tài chính	3.253.347.837		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.218.215.891		
8. Chi phí bán hàng	619.126.174		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	921.724.965		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	3.499.781.379		
11. Thu nhập khác	1.083.646		
12. Chi phí khác	154.100.714		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(153.017.068)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	3.346.764.311		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	560.151.480		





16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	2.786.612.831		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	278,66		

▪ Chi phí lãi vay – (Lãi tiền gửi + lãi cho vay) = 3.218.215.891 – 2.012.456 = 3.216.203.435

▪ 30% * (Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lãi vay – (lãi tiền gửi + lãi cho vay) + Khấu hao)

= 30% * (3.499.781.379 + (3.218.215.891 - 2.012.456) + 2.679.235.343)

= 2.818.566.047

Vậy chi phí lãi vay trong kì không được tính vào chi phí được trừ là: 3.216.203.435 - 2.818.566.047 = 397.637.388

MỤC LỤC CỦA SÁCH

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG I QUY TRÌNH QUYẾT TOÁN THUẾ	5
I. NHẬN THÔNG BÁO QUYẾT TOÁN THUẾ	6
II. GỬI SỔ SÁCH BẢN MỀM.....	7
III. THUẾ XUỐNG VĂN PHÒNG LÀM VIỆC.....	7
1. Đọc quyết định Kiểm tra thuế.....	7
2. Kiểm tra sổ sách.....	9
3. Biên bản kiểm tra, ra quyết định và đóng thuế.....	10
CHƯƠNG II SỔ SÁCH, CHỨNG TỪ CẦN CHUẨN BỊ KHI QUYẾT TOÁN	17
I. File mềm.....	18
II. Sổ sách bản cứng.....	18





1. Hồ sơ pháp lý.....	19
2. Hồ sơ kế toán.....	19
CHƯƠNG III MỘT SỐ KIẾN THỨC THUẾ CẦN NẮM.....	22
I. THUẾ GTGT.....	23
1. Số liệu giữa tờ khai thuế GTGT và sổ sách.....	23
2. kê khai HH, DV mua vào bán ra trong kì đúng.....	23
3. Giá tính thuế.....	26
3.1 HH, DV trao đổi, biếu tặng, cho, trả thay lương.....	26
3.2 Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ.....	27
3.3 Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khuyến mại.....	28
3.4 Hàng hóa nhập khẩu	29
3.5 Cho thuê tài sản	30
3.6 Hàng hóa bán trả chậm, trả góp.....	31
3.7 Gia công hàng hóa	32
3.8 Xây dựng, lắp đặt công trình.....	32
3.9 Chuyển nhượng bất động sản	32
3.10 Đại lý, môi giới	32
3.11 Dịch vụ du lịch.....	33
3.12 Khác	33
4. Thời điểm xác định thuế GTGT	35
4.1 Đối với bán hàng hóa.....	36
4.2 Đối với cung ứng dịch vụ.....	36
4.3 Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê.....	37
4.4 Đối với xây dựng, lắp đặt, bao gồm cả đóng tàu.....	37





4.5	Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch.....	37
4.6	Đối với hàng hóa nhập khẩu	37
5.	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.....	37
5.1	Về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào.....	37
5.2	Một số trường hợp khấu trừ thuế GTGT cần lưu ý.....	42
II.	THUẾ TNDN	44
1.	Tờ khai thuế.....	44
2.	Chi phí được trừ.....	44
2.1	Chi phí khấu hao TSCĐ	50
2.2	Các khoản chi cho người lao động: tiền lương, tiền công, tiền thưởng, chi các khoản khác cho người lao động	54
2.3	Liên quan đến hàng tồn kho.....	57
2.4	Chi phí lãi vay	59
2.5	Chi các khoản phạt.....	60
2.6	Các khoản chi ủng hộ.....	60
2.7	Thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh	64
2.8	Các khoản trích lập dự phòng.....	65
2.9	Lỗi chênh lệch tỷ giá	65
III.	THUẾ TNCN.....	66
1.	Đối tượng phải thực hiện quyết toán thuế TNCN.....	66
1.1	Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công	66
1.2	Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	66
2.	Đối tượng không phải thực hiện quyết toán thuế TNCN.....	66
2.1	Cá nhân không phải quyết toán thuế TNCN	66
2.2	Tổ chức không phải thực hiện quyết toán thuế TNCN	67





3. Ủy quyền quyết toán thuế	67
4. Các trường hợp không được ủy quyền quyết toán thuế TNCN.....	68
5. Thời hạn đăng kí mã số thuế cá nhân	68
6. Giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc	69
7. Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế.....	70
8. Thuế TNCN phát sinh từ tiền lương tiền công	71
IV.HÓA ĐƠN.....	75
CHƯƠNG IV KIỂM TRA SỔ SÁCH	76
I. KIỂM TRA SỔ SÁCH TỪ BẢNG CÂN ĐỐI PHÁT SINH	77
1. Kiểm tra chung	77
1.1 Nguyên tắc chung	77
1.2 Số dư các tài khoản.....	77
2. Kiểm tra chi tiết.....	78
2.1 Tài khoản 111.....	78
2.2 Tài khoản 112.....	79
2.3 Tài khoản 131.....	80
2.4 Tài khoản 138.....	82
2.5 Tài khoản 141.....	83
2.6 Tài khoản kho: 151,152,153,155,156, 157.....	83
2.7 Tài khoản 211, 213.....	86
2.8 Tài khoản 214.....	89
2.9 Tài khoản 241.....	91
2.10 Tài khoản 242	91
2.11 Tài khoản 229	92
2.12 Tài khoản 331	95





2.13 Tài khoản 133, 333.....	96
2.14 Tài khoản 334	99
2.15 Tài khoản 335	100
2.16 Tài khoản 338	102
2.17 Tài khoản 341	102
2.18 Tài khoản 411	103
2.19 Tài khoản 421	104
2.20 Tài khoản 511	104
2.21 Tài khoản 515	104
2.22 Tài khoản 621	105
2.23 Tài khoản 622	105
2.24 Tài khoản 635	105
2.24 Tài khoản 641, 642.....	108
2.24.1 Đối với hóa đơn ăn uống, tiếp khách.....	108
2.24.2 Chi phí xăng xe	108
2.24.3 Các chi phí đi công tác.....	109
2.24.4 Đối với chi phí mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động	110
2.24.5 Chi phí môi giới bán hàng của cá nhân ở nước ngoài	110
2.24.6 Tổ chức các buổi họp, hội nghị	111
2.24.7 Hàng hóa, dịch vụ dùng để biếu tặng.....	112
2.24.8 Chi phí thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam.....	114
2.24.9 Khoản chi cho đại lý để quảng cáo, bán hàng	116
2.24.10 Thuê tài sản của cá nhân	117
2.24.11 Chi phí được trừ của hàng hóa bị mất cắp	118
2.24.12 Chi phí đào tạo cho nhân viên.....	118





2.24.13 Chi phí cho nhân viên đi nghỉ mát.....	120
2.24.14 Một số khoản chi phúc lợi.....	122
2.24.15 Các khoản chi cho Giám đốc Công ty TNHH MTV.....	122
2.24.16 Chi phí thuê nhà cho người lao động.....	125
2.24.17 Chi phí quảng cáo Google, Facebook.....	126
2.24.18 Sử dụng hóa đơn của Doanh nghiệp bỏ trốn.....	128
2.25 Tài khoản 711	129
2.26 Tài khoản 811	130
II. KIỂM TRA LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH	132
CHƯƠNG V MỘT SỐ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP THƯỜNG GẶP.....	134
PHẦN A: CÔNG TY BẤT ĐỘNG SẢN	135
I. KHÁI QUÁT DOANH NGHIỆP BẤT ĐỘNG SẢN.....	135
1. Khái niệm Bất động sản	135
2. Hoạt động của Doanh nghiệp Bất động sản	135
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	135
1. Quy định của Kế toán	135
2. Hóa đơn	137
3. Thuế GTGT	137
4. Thuế TNDN	140
5. Chi phí được trừ khi chuyển nhượng BĐS.....	142
6. Một số sai phạm cần chú ý về Doanh nghiệp bất động sản.....	142
6.1 Hóa đơn và thuế.....	142
6.2 Giá vốn.....	145
6.3 Khai và nộp thuế	146
6.4 Chuyển lỗ	147





PHẦN B: CÔNG TY XÂY DỰNG.....	148
I. KHÁI QUÁT DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.....	148
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	148
1. Quy định của Kế toán	148
1.1 Khái niệm về Hợp đồng xây dựng.....	148
1.2 Doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng	150
1.3 Một số chú ý về hạch toán kế toán.....	154
1.4 Dự phòng bảo hành công trình xây dựng.....	156
1.5 Chú ý khác	157
2. Hóa đơn.....	157
3. Thuế GTGT	158
3.1 Giá tính thuế GTGT.....	158
3.2 Thời điểm xác định doanh thu tính thuế GTGT.....	159
4. Một số sai phạm chú ý về Doanh nghiệp xây dựng.....	159
4.1 Hóa đơn.....	159
4.2 Thuế GTGT	160
4.3 Thuế TNDN.....	161
PHẦN C: CÔNG TY CÓ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHỨNG KHOÁN	163
I. KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHỨNG KHOÁN	163
1. Đối với Công ty	163
2. Đối với cá nhân	164
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	165
1. Quy định của Kế toán	165
2. Hóa đơn.....	165
3. Thuế GTGT	165





4. Thuế TNDN	165
4.1 Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng vốn.....	166
4.2 Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	168
5. Thuế TNCN	169
6. Một số sai phạm chú ý trong Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn góp, chứng khoán.....	171
6.1 Hóa đơn.....	171
6.2 Thuế GTGT	171
6.3 Khai thuế khi chuyển nhượng vốn, chứng khoán	172
6.4 Vấn đề khác.....	173
PHẦN D: CÔNG TY THƯƠNG MẠI	174
I. KHÁI QUÁT CÔNG TY THƯƠNG MẠI	174
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	174
1. Quy định của Kế toán	174
1.1 Hạch toán hàng hóa khuyến mại không thu tiền	174
1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	175
1.3 Chiết khấu thanh toán.....	184
2. Quy định hiện hành về khuyến mại.....	185
3. Hóa đơn hàng hóa khuyến mại.....	188
4. Thuế GTGT	189
5. Một số sai phạm chú ý trong Doanh nghiệp thương mại	190
5.1 Hóa đơn.....	190
5.2 Thuế	191
5.3 Tồn kho ảo.....	192
PHẦN E: CÔNG TY SẢN XUẤT	195





I. KHÁI QUÁT CÔNG TY SẢN XUẤT	195
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	195
1. Một số sai phạm chú ý Công ty sản xuất	195
PHẦN F: CÔNG TY CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT	200
I. KHÁI QUÁT CÔNG TY CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT	200
II. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NẮM	200
1. Quy định về giao dịch của các bên liên kết	200
III. MỘT SỐ CHÚ Ý TRONG DN CÓ PHÁT SINH GIAO DỊCH LIÊN KẾT	204
1. Chi phí lãi vay được trừ	204
2. Không lập tờ khai giao dịch liên kết	206

Chúc bạn luôn thành công!

